



Số: 221117/15/HDKT-DAITIN

DAITIN AUDITING COMPANY LIMITED

5 Fl, GT Building, 403 Nguyen Thai Binh St.,

Ward 12, Tan Binh District, HCM City

T: (08) 3500 4494 F: (08) 6293 8182

www.kiemtoandaitin.com

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC BẠC LIÊU CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC VÀO NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

Kính gửi: Hội Đồng Thành viên - Tổng Giám Đốc
CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC BẠC LIÊU

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC BẠC LIÊU (“Công ty”), được lập ngày 01 tháng 02 năm 2016, từ trang 5 đến trang 26, bao gồm : Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám Đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC BẠC LIÊU tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐẠI TÍN



LÊ ĐÌNH HÙNG

Tổng Giám Đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2149-2013-221-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 01 tháng 02 năm 2016

VŨ KIỀU HƯƠNG

Kiểm toán viên Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2618-2013-221-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tiền tệ: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		18.817.259.804	22.777.688.316
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	1.648.459.511	1.296.865.135
1. Tiền	111		1.648.459.511	1.296.865.135
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	7.577.922.647	11.043.007.942
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		7.577.922.647	11.043.007.942
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.192.523.791	2.413.871.143
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	784.172.312	2.013.990.026
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	772.286.111	1.017.926.413
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu khác	136	V.05	1.636.065.368	491.630.750
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137		-	(1.109.676.046)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	6.398.353.855	7.571.527.258
1. Hàng tồn kho	141		6.398.353.855	7.571.527.258
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	452.416.838
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	-	267.244.352
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	174.571.017
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	10.601.469
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		97.957.927.001	83.915.040.268
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		92.453.363.359	78.078.070.006
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	92.418.363.363	77.908.070.006
- Nguyên giá	222		145.846.678.372	109.474.082.100
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(53.428.315.009)	(31.566.012.094)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC BẠC LIÊU

92 Lê Duẩn, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tiền tệ: VND

- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	34.999.996	170.000.000
- Nguyên giá	228		70.000.000	170.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(35.000.004)	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		173.222.384	1.100.296.212
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		173.222.384	1.100.296.212
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.331.341.258	4.736.674.050
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	5.331.341.258	4.447.651.648
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	289.022.402
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		116.775.186.805	106.692.728.584

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM	
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	5.087.186.805	16.287.594.923	
I. Nợ ngắn hạn	310	5.087.186.805	16.287.594.923	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	142.097.423	309.381.218
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	130.685.967	157.685.967
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1.147.946.463	256.974.233
4. Phải trả người lao động	314		773.127.593	2.233.419.261
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	274.474.038
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	1.522.810.087	12.135.173.063
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.370.519.272	920.487.143
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tiền tệ: VND

3. Chi phí phải trả dài hạn	333	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	111.688.000.000	90.405.133.661
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14 111.688.000.000	90.405.133.661
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	111.688.000.000	90.343.753.478
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	-	4.718.638
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	56.661.545
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	-	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	-	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
2. Nguồn kinh phí	431	-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	116.775.186.805	106.692.728.584

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Lê Văn Sơn
 Tổng Giám Đốc

Võ Minh Trang
 Kế Toán Trưởng

Võ Minh Trang
 Người Lập Biểu

Ngày 01 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	41.095.742.792	33.994.393.221
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	43.424.083	124.979.153
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		41.052.318.709	33.869.414.068
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	24.878.130.988	21.955.393.693
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		16.174.187.721	11.914.020.375
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	464.742.121	594.489.963
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		5.808.852.284	2.641.502.033
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.173.400.546	8.739.022.031
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		2.656.677.012	1.127.986.274
11. Thu nhập khác	31	VI.05	1.638.596.304	2.779.193.115
12. Chi phí khác	32	VI.06	1.314.393.958	1.809.332.194
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		324.202.346	969.860.921
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.980.879.358	2.097.847.195
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	655.793.459	461.527.381
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.325.085.899	1.636.319.814
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Lê Văn Sơn
Tổng Giám Đốc

Võ Minh Trang
Kế Toán Trưởng

Võ Minh Trang
Người Lập Biểu

Ngày 01 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Đơn vị tiền tệ: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.980.879.358	2.097.847.195
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		24.920.567.741	6.807.133.800
- Các khoản dự phòng	03		(1.109.676.046)	1.109.676.046
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(464.742.121)	(594.489.963)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		26.327.028.932	9.420.167.078
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		505.594.415	2.179.824.258
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		1.173.173.403	674.344.211
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(11.772.871.391)	(384.093.684)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(616.445.258)	(896.447.144)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(534.280.243)	(527.990.765)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	2.735.488.463
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.894.561.328)	(1.803.586.005)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.187.638.530	11.397.706.412
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(37.399.140.494)	(28.470.505.541)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		16.703.240.370	11.050.988.889
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		(12.949.132.673)	(11.043.007.942)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		464.742.121	594.489.963
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(33.180.290.676)	(27.868.034.631)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		21.344.246.522	16.592.965.085
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		21.344.246.522	16.592.965.085
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		351.594.376	122.636.866
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.296.865.135	1.174.228.269
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		1.648.459.511	1.296.865.135

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Lê Văn Sơn
Tổng Giám Đốc

Võ Minh Trang
Kế Toán Trưởng

Võ Minh Trang
Người Lập Biểu

Ngày 01 tháng 02 năm 2016